

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2017**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/ NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thị xã Bỉm Sơn khoá XI kỳ họp thứ 3 về phê duyệt điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2017 với các nội dung sau:

**I. ĐIỀU CHỈNH THU CHI NGÂN SÁCH.**

**1. Thu Ngân sách:**

- Dự toán giao đầu năm: 249.702 triệu đồng;
- Điều chỉnh tăng: 26.704 triệu đồng;
- Dự toán sau điều chỉnh: 276.406 triệu đồng.

**2. Chi Ngân sách:**

- Dự toán giao đầu năm: 249.702 triệu đồng;
- Điều chỉnh tăng: 26.704 triệu đồng;
- Dự toán sau điều chỉnh: 276.406 triệu đồng.

**II. SẮP XẾP LẠI NHIỆM VỤ CHI.**

**1. Chi đầu tư XDCB:** Tăng chi đầu tư XDCB 13.555 triệu đồng.

+ Từ nguồn chuyển nguồn 2016 sang 2017: 5.522 triệu đồng.

+ Từ nguồn kết dư Ngân sách: 7.033 triệu đồng.

+ Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2017: 1.000 triệu đồng.

- 2. Chi thường xuyên:** Tăng chi thường xuyên: 13.149 triệu đồng;  
+ Từ nguồn chuyển nguồn 2016 sang 2017: 3.313 triệu đồng.  
+ Từ nguồn kết dư Ngân sách: 8.836 triệu đồng.  
+ Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2017: 1.000 triệu đồng.

*(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)*

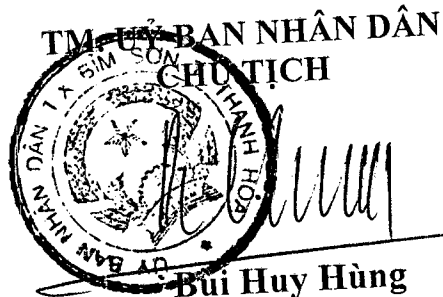
- Điều 2.** Căn cứ điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016:
1. UBND các xã, phường trình HĐND cùng cấp quyết nghị và tổ chức thực hiện.
  2. Các đơn vị điều chỉnh dự toán chi ngân sách thực hiện chi đúng định mức, chính sách, chế độ hiện hành của Nhà nước; đảm bảo chi có hiệu quả nguồn ngân sách được giao; những nhiệm vụ phát sinh trong năm các đơn vị phải chủ động cân đối trong dự toán đã được điều chỉnh tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng HĐND và UBND Thị xã, Trưởng phòng TC-KH, Khoa bạc Nhà nước Bim Sơn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KH.



**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số 2482 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao địa phương năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.702</b>	<b>207.132</b>	<b>42.570</b>	<b>26.704</b>	<b>20.328</b>	<b>6.376</b>	<b>276.406</b>	<b>227.460</b>	<b>48.946</b>	
1	Thu điều tiết	173.642	151.922	21.720	2.000	2.000		175.642	153.922	21.720	
3	Bổ sung từ NS cấp Tỉnh	55.209	36.179	19.030				55.209	36.179	19.030	
4	Thu chuyển nguồn				8.836	7.681	1.155	8.836	7.681	1.155	Căn cứ Quyết toán 2016
5	Kết dư Ngân sách				15.869	10.647	5.222	15.869	10.647	5.222	
6	Thu đóng góp, thuê địa điểm, xã hội hóa, thu học phí	20.851	19.031	1.820				20.851	19.031	1.820	

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017**  
 Theo cơ cấu nguồn vốn ĐTXD và nguồn Sự nghiệp chi thường xuyên  
 (Kể từ theo Quyết định số 2482 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.702</b>	<b>207.131</b>	<b>42.570</b>	<b>26.704</b>	<b>20.328</b>	<b>6.376</b>	<b>276.406</b>	<b>227.460</b>	<b>48.946</b>	
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ</b>	<b>73.026</b>	<b>59.464</b>	<b>13.562</b>	<b>13.555</b>	<b>9.632</b>	<b>3.923</b>	<b>86.581</b>	<b>69.096</b>	<b>17.485</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn NS năm 2017</b>	<b>73.026</b>	<b>59.464</b>	<b>13.562</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>74.026</b>	<b>60.464</b>	<b>13.562</b>	
1.1	Nguồn Cấp quyền sử dụng đất	44.089	41.352	2.737				44.089	41.352	2.737	
1.2	Nguồn Đóng góp	9.778	7.958	1.820				9.778	7.958	1.820	
1.4	Nguồn CQKTKS	2.702		2.702				2.702		2.702	
1.5	Phí BVMT sau KTKS	16.457	10.154	6.303				16.457	10.154	6.303	
1.6	Tăng thu NS				1.000	1.000		1.000	1.000	-	
<b>2</b>	<b>Nguồn chuyển nguồn từ 2016</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.522</b>	<b>5.522</b>	<b>0</b>	<b>5.522</b>	<b>5.522</b>	<b>0</b>	
2.1	Nguồn Đóng góp				500	500		500	500		
2.2	Phí BVMT sau KTKS				450	450		450	450		
2.3	Nguồn mục tiêu				936	936		936	936		
2.4	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2016				3.636	3.636		3.636	3.636		Cần cứ Quyết toán NS năm 2016
<b>3</b>	<b>Nguồn Kết dư NS</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.033</b>	<b>3.110</b>	<b>3.923</b>	<b>7.033</b>	<b>3.110</b>	<b>3.923</b>	
3.1	Nguồn Cấp quyền sử dụng đất				73	60	13	73	60	13	
3.2	Phí BVMT sau KTKS				3.327	3.050	277	3.327	3.050	277	
3.3	Kết dư NS				3.633		3.633	3.633		3.633	
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>173.275</b>	<b>145.111</b>	<b>28.163</b>	<b>13.149</b>	<b>10.697</b>	<b>2.453</b>	<b>186.424</b>	<b>155.808</b>	<b>30.616</b>	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	18.970	18.650	320				18.970	18.650	320	
2	Chi sự nghiệp môi trường	13.162	12.922	240				13.162	12.922	240	
3	Chi SN văn hóa-TDTT	9.357	9.162	195				9.357	9.162	195	
4	Chi SN Phát thanh truyền hình	1.029	942	87				1.029	942	87	
5	Chi SN y tế	7.212	7.212					7.212	7.212		
6	Chi SN Đảm bảo xã hội	9.615	8.510	1.105				9.615	8.510	1.105	
7	Chi SN giáo dục	67.603	67.123	480				67.603	67.123	480	
8	Chi QLNN, Đảng đoàn thể	40.640	16.282	24.358				40.640	16.282	24.358	
9	Chi Quốc phòng	1.902	1.808	94				1.902	1.808	94	
10	Chi An ninh	584	500	84				584	500	84	

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm			Điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
			Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường		Thị xã	Xã phường	
11	Chi khác Ngân sách	2.200	1.000	1.200				2.200	1.000	1.200	Căn cứ Quyết toán NS năm 2016
12	Kết dư NS				8.836	7.537	1.298	8.836	7.537	1.298	
-	Nguồn CCTL				5.059	5.059		5.059	5.059		
-	Nguồn Kết dư NS				3.776	2.478	1.298	3.776	2.478	1.298	
13	Chuyển nguồn 2016 sang 2017				3.314	2.159	1.154	3.314	2.159	1.154	
-	Nguồn mục tiêu chuyển nguồn				2.429	1.809	620	2.429	1.809	620	
-	Dự phòng chưa sử dụng				535		535	535		535	
-	Nguồn đã giao cho các đơn vị DT chuyển nguồn sang 2017				350	350		350	350		
14	Chi từ nguồn tăng thu NS	1.000	1.000		1.000	1.000		2.000	2.000		
III	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>3.401</b>	<b>2.556</b>	<b>845</b>				<b>3.401</b>	<b>2.556</b>	<b>845</b>	

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN ĐTXD NĂM 2017 (theo nguồn vốn)**

(Kèm theo Quyết định số 2482 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó							
			Nguồn CQSD đất	Đóng góp	Phí BVMT	Mục tiêu chuyển nguồn	Nguồn đóng góp chuyển nguồn	Phí BVMT chuyển nguồn	Kết dư NS	Tăng thu
A	B									
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.096</b>	<b>41.352</b>	<b>7.958</b>	<b>10.154</b>	<b>936</b>	<b>500</b>	<b>450</b>	<b>3.110</b>	<b>1.000</b>
I	<b>Ghi thu ghi chi</b>	<b>28.600</b>	<b>28.600</b>							
II	<b>Chi thực hiện các dự án</b>	<b>40.496</b>	<b>12.752</b>	<b>7.958</b>	<b>10.154</b>	<b>936</b>	<b>500</b>	<b>450</b>	<b>3.110</b>	<b>1.000</b>
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn	282		282						
2	Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn	6.260	1.500	2.500					2.260	
3	Đường từ tỉnh lộ 7 đến đường Gom khu CN Bim Sơn	2.000	300		1.700					
4	Đường giao thông Quốc lộ 1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía đông thị xã Bim Sơn	1.000	300		700					
5	Xây dựng công chèo tại Km288+400 Quốc lộ 1A	200			200					
6	Lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt từ D63-D90 phường Đông Sơn	200			200					
7	Cải tạo nâng cấp đường Tống Duy Tân phường Ba Đình hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng công cộng	100			100					
8	Hạng mục: Đèn Đức Ông và Lầu Vọng Ngự thuộc Công trình Bảo tồn, tôn tạo di tích Đền Sòng	600		600						
9	Đường vào khu di tích xã Quang Trung	65		65						
10	HTKT khu dân cư 4+5 phường Bắc Sơn	1.500	500		1.000					
11	HTKT khu dân cư nam đường Trần Phú	1.000			500		500			
12	Nhà hiệu bộ trường THPT Lê Hồng Phong	1.567	656	911						
13	Cải tạo đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Tam Điệp)	800	200		600					
14	Đường Võ Thị Sáu (Đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn Kết) (Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng)	200			200					
15	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Kiên, phường Lam Sơn	700	300		400					
16	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Đình Phùng, phường Ngọc Trạo, Phú Sơn	1.000	200		800					
17	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Diệu, phường Bắc Sơn	-	-							
18	Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn, thị xã Bim Sơn (Giai đoạn 2)	1.000		1.000						
19	Công trình: Xây dựng các hạng mục công trình tại đền Sòng Sơn và đền Chín Giếng (Dự án đang dở dang)	400		400						
20	Xây dựng công trình phụ trợ Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa	1.000	1.000							

STT	Tên dự án	Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó								
			Nguồn CQSD đất	Đóng góp	Phí BVMT	Mục tiêu chuyển nguồn	Nguồn đóng góp chuyển nguồn	Phí BVMT chuyển nguồn	Kết dư NS	Tăng thu	
21	Tu bổ cấp thiết Đỉnh Làng Gạo (trong đó, chi SN văn hóa: 450 triệu)	950		800			150				
22	Tường kẻ bảo vệ trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn	350	400						450		
23	Cải tạo các công trình phụ trợ cơ quan thị ủy	700	400	300							
24	Điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi)	1.500	400		400					700	
25	Cải tạo đường Ngô Quyền, phường Ba Đình	600	300		300						
26	Cải tạo đường Thanh Niên, xã Quang Trung	2.036	500		1.200	336					
27	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Tô Vĩnh Diện, phường Ngọc Trạo	-	-								
28	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND thị xã	1.000	500	500							
29	Sửa chữa nhà làm việc Thị ủy Bim Sơn	800	400	400							
30	Xây dựng lớp học trường Mầm non Xi măng	400	200	200							
31	Mở rộng đường Nguyễn Đức Cảnh (Đoạn qua khu trung tâm thể thao)	650	250		400						
32	Di chuyển trạm Biến áp KDC Nam Trần Phú	150								150	
33	Bố trí chuẩn bị đầu tư	350	350								
34	Nguồn vốn hỗ trợ các đơn vị và thực hiện theo cơ chế HĐND	6.550	4.096		1.454						1.000
	<i>Hỗ trợ xây dựng đường theo hình thức xã hội hóa; Hỗ trợ đạt chuẩn về giáo dục, y tế; Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; Hỗ trợ xây dựng mương cứng các phường Đông Sơn, Lam Sơn, Phú Sơn;</i>	-									
35	Nạo vét kênh T9 xã Hà Lan	21				21					
36	Nạo vét kênh T3 xã Quang Trung	74				74					
37	Nạo vét kênh bờ bao xã Quang Trung, xã Hà Lan	34				34					
38	Nguồn vốn hỗ trợ GTNT	321				321					
39	Chi ĐTXD của các đơn vị DT 2015 chuyển nguồn sang 2016	3.636									

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số 2482 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

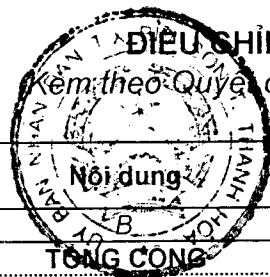
STT	NỘI DUNG	Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó													
			SN kinh tế	SN môi trường	SN VH	SN PTTH	SN y tế	SN giáo dục	SN ĐBXH	QLHC	Chi QP	Chi AN	Tăng thu	Chi khác NS	Kết dư NS	Chuyển nguồn
	<b>TỔNG CỘNG</b>	186.424	18.970	13.162	9.357	1.029	7.212	67.603	9.615	40.640	1.902	584	2.000	2.200	8.836	3.314
1	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị sử dụng NSNN từ đầu năm	104.863	5.649	160	5.620	942	-	66.623	6.444	16.282	1.808	500	836	-	-	-
2	Sự nghiệp môi trường (thanh toán theo KLHT)	12.662		12.662												
3	SN y tế (thanh toán HĐ hàng quý)	7.212					7.212									
4	Các nhiệm vụ chi khác	22.951	12.701	-	3.542	-	-	-	2.066	-	-	-	1.164	1.000	2.478	
-	Chi kiến thiết thị chính, chi trả tiền điện sáng, chi quy hoạch và các khoản chi khác liên quan đến chỉnh trang đô thị	8.980	8.980													
-	Cải tạo trường bản	280	200											80		
-	KP hỗ trợ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác ATVSTP	100	100													
-	Sửa chữa đê điều hồ đập, chi SN nông nghiệp và thủy lợi	1.000	1.000													
-	Số hóa văn bản, cập nhật CSDL vào hệ thống quản lý VN & HSCV theo TT 194/2012/TT-BTC	100	100													
-	Hỗ trợ KP đại hội LĐLĐ	50	50													
-	Quỹ hỗ trợ nông dân	50	50													
-	KP QH, lập đề án TĐC, chỉnh lý bản đồ, lập KH sử dụng đất, quan trắc hiện trạng môi trường	1.055	1.055													
-	Đổi điện dồn thửa	200	200													
-	Hỗ trợ xã phường tu bổ di tích	1.000			1.000											
-	Kinh phí truyền thông báo chí	150												150		
-	Kinh phí các ban chỉ đạo	200												200		
-	KP hỗ trợ phụ cấp cán bộ trưởng các đoàn thể khu phố	574			500									74		
-	Kinh phí trợ cấp khó khăn đột xuất, chi hỗ trợ ĐBXH	229							229							



STT	NỘI DUNG	Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó													Chuyển nguồn		
			SN kinh tế	SN môi trường	SN VH	SN PTTH	SN y tế	SN giáo dục	SN ĐBXH	QLHC	Chi QP	Chi AN	Tăng thu	Chi khác NS	Kết dư NS			
-	Thanh toán kinh phí mua thẻ BHYT năm 2016 còn thiếu cho các đối tượng bảo trợ xã hội	628									628							
-	Bổ sung Kinh phí ĐBXH (đối tượng Thị ủy quản lý)	270									270							
-	Tổ chức thành hành động vì trẻ em Hội CSCM bị dịch bắt tù đày dự lễ tưởng niệm tại Phú Quốc	81									81							
-	Phục vụ công tác định giá tài sản	12									12							30
-	Hỗ trợ công tác nghiệp vụ (KBNN)	30																35
-	Hỗ trợ công tác nghiệp vụ (KBNN) Chi từ nguồn thu đi tích in phiếu công đức, sổ ghi công đức	35																
-	Tổ chức kỷ niệm 70 năm ngày thương binh liệt sỹ và thăm viếng nghĩa trang	178				178												
-	Hỗ trợ đón biên phòng Tam Chung	500									500							
-	Hỗ trợ tổ chức đi thăm chiến sĩ mới	90				90												
-	Hỗ trợ HĐ Hội thăm nhân dân	20	20															50
-	XD công thông tin điện tử thị xã	50																
-	Tập huấn công tác phòng chống dịch gia súc gia cầm đợt 1	220	220															
-	Tổ chức đại hội đoàn TN nhiệm kỳ 2017-2022 (đại hội điểm)	12	12															
-	Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ PCCC	141	141															
-	Tổ chức chúc mừng ngày báo chí CM	23	23															
-	Tổ chức các hoạt động chào mừng 40 năm thành lập Đảng bộ	47	47															620
-	Ban biên tập thông tin điện tử thị xã	2.107				1.487												
+	Đài truyền thanh truyền hình	15				15												
+	TTVH - cum tuyên truyền	40				40												
+	Tổ chức các giải thể thao (giải bóng đá thiếu niên, giải quần vợt, giải bóng bàn cầu lông, bóng chuyên)	70				70												
+	Hội diễn NT quần chúng	195				195												
+	Tổ chức Mít tình kỷ niệm	80				80												
+		80				80												

STT	NỘI DUNG	Trong đó														
		Duy toán sau điều chỉnh	SN kinh tế	SN môi trường	SN VH	SN PTTH	SN y tế	SN giáo dục	SN ĐBXH	QLHC	Chi QP	Chi AN	Tăng thu	Chi khác NS	Kết dư NS	Chuyển nguồn
+	Thị ủy tuyên truyền trên báo TH và tạp chí XD Đảng				60											
+	Cuộc thi tìm hiểu 40 năm Đảng bộ Thị xã				60											
+	KP tổ chức lễ kỷ niệm	667			667											
+	Gặp mặt bí thư chi bộ tiêu biểu	120			120											
+	Tổ chức sự kiện kỷ niệm 40 năm	620										620				
+	Dự phòng chi phí phát sinh	100			100											
-	Bổ sung hoạt động của Đội Quy tắc Thị xã (phụ cấp + đồng phục + điều chỉnh HSL hợp đồng Quy tắc thị xã)	150	150													
-	Bổ sung kinh phí Tết trồng cây	15	15													
-	Tham gia Đại hội Thể dục TT cấp Tỉnh	160			160											
-	Bổ sung kinh phí hoạt động Tết NĐ và hoạt động hè (TTVH)	120			120											
-	Chương trình khởi nghiệp	250												97	153	
-	Hỗ trợ công tác tuyển quân	43										43				
-	Tổ chức ngày truyền thống lực lượng vũ trang	150										150				
-	Hỗ trợ sửa chữa tường rào, bốt gác Ban CHQS	100										100				
-	Tổ chức thực hiện diễn tập 2017	170										170				
-	Hỗ trợ sẵn sàng trực chiến	30										30				
-	Lắp đặt hệ thống Camera giao thông đường bộ	50												50		
-	Kỷ niệm thành lập ngành Công an	80												80		
-	Hội phụ nữ tổ chức hội thi BVMT	20												20		
-	Đoàn Thanh niên tổ chức du khảo về nguồn và hoạt động hè	120										51		69		
-	Bổ sung kinh phí hoạt động Văn phòng đăng ký quyền SD đất	65												65		
-	Kinh phí tặng quà nhân kỷ niệm 70 năm ngày TBLS (tặng quà các đối tượng người có công và thương binh hạng nặng)	271														
-	Bổ sung đại hội Hội Cựu chiến binh	60														30

STT	NỘI DUNG	Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó													Kết dư NS	Chuyển nguồn	
			SN kinh tế	SN môi trường	SN VH	SN PTTH	SN y tế	SN giáo dục	SN ĐBXH	QLHC	Chi. QP	Chi AN	Tăng thu	Chi khác NS				
-	Bổ sung kinh phí hoạt động Thị ủy	740															740	
-	Bổ sung KP hoạt động UBND thị xã	400															400	
-	Bổ sung KP hoạt động xã Hà Lan	300															300	
-	Kinh phí Biên soạn LSĐB (bao gồm KP 10%VAT)	224															224	
-	KP kiểm tra sức khỏe CB thuộc diện Tỉnh ủy và Thị ủy quản lý	360															360	
-	Công tác chuyển đổi chợ	250															250	
-	Hỗ trợ phát triển KT với Huyện Thạch Thành	330	330															
-	Các nhiệm vụ chi phát sinh khác	83	8		8					46							21	
<b>5</b>	<b>Nguồn CCTL</b>	<b>5.059</b>															<b>5.059</b>	
<b>6</b>	<b>Các chương trình MT chuyển nguồn</b>	<b>1.809</b>																<b>1.809</b>
<b>7</b>	<b>Quý khen thưởng</b>	<b>900</b>	<b>300</b>	<b>100</b>					<b>500</b>									
<b>8</b>	<b>Chi thường xuyên của các đơn vị DT 2015 chuyển nguồn sang 2016</b>	<b>350</b>																<b>350</b>
<b>9</b>	<b>Chi xã phường</b>	<b>30.616</b>	<b>320</b>	<b>240</b>	<b>195</b>	<b>87</b>			<b>480</b>	<b>1.105</b>	<b>24.358</b>	<b>94</b>	<b>84</b>		<b>1.200</b>	<b>1.298</b>	<b>1.155</b>	



## ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỊ XÃ NĂM 2017

Kèm theo Quyết định số 2482 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
A		1	2	3=1+2	4
	<b>TỔNG CÔNG</b>	<b>59.464</b>	<b>9.632</b>	<b>69.096</b>	
<b>A</b>	<b>Vốn thực hiện dự án</b>	<b>30.864</b>	<b>9.632</b>	<b>40.496</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn cấp quyền sử dụng đất</b>	<b>12.752</b>	<b>-</b>	<b>12.752</b>	
1	Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn	1.500		1.500	
2	Đường từ tỉnh lộ 7 đến đường Gom khu CN Bim Sơn	300		300	
3	Đường giao thông Quốc lộ 1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía đông thị xã Bim Sơn	300		300	
4	HTKT khu dân cư 4+5 phường Bắc Sơn	500		500	
5	HTKT khu dân cư nam đường Trần Phú	400	(400)	-	
6	Nhà hiệu bộ trưởng THPT Lê Hồng Phong	656		656	
7	Cải tạo đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Tam Điệp)	600	(400)	200	
8	Đường Võ Thị Sáu (Đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn Kết) (Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng)	400	(400)	-	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Kiên, phường Lam Sơn	300		300	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Đình Phùng, phường Ngọc Trạo, Phú Sơn	200		200	
11	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Diệu, phường Bắc Sơn	500	(500)	-	
12	Xây dựng công trình phụ trợ Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa	1.000		1.000	
13	Tường kê bảo vệ trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn	400		400	
14	Cải tạo các công trình phụ trợ cơ quan thị ủy	400		400	
15	Điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi)	400		400	
16	Cải tạo đường Ngô Quyền, phường Ba Đình	300		300	
17	Cải tạo đường Thanh Niên, xã Quang Trung	500		500	
18	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Tô Vĩnh Diện, phường Ngọc Trạo	100	(100)	-	
19	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND thị xã	500		500	
20	Sửa chữa nhà làm việc Thị ủy Bim Sơn	400		400	
21	Xây dựng lớp học trường Mầm non Xi măng	200		200	
22	Mở rộng đường Nguyễn Đức Cảnh (Đoạn qua khu trung tâm thể thao)	400	(150)	250	
23	Bổ trí chuẩn bị đầu tư	350		350	
24	Nguồn vốn hỗ trợ các đơn vị và thực hiện theo cơ chế HĐND	2.146	1.950	4.096	
<b>II</b>	<b>Nguồn đóng góp, XHH, thu khác</b>	<b>7.958</b>		<b>7.958</b>	
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn	282		282	
2	Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn	2.500		2.500	

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
3	Hạng mục: Đèn Đức Ông và Lầu Vọng Ngự thuộc Công trình Bảo tồn, tôn tạo di tích Đền Sòng	600		600	
4	Đường vào khu di tích xã Quang Trung	65		65	
5	Nhà hiệu bộ trường THPT Lê Hồng Phong	911		911	
6	Công trình: Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Sòng Sơn, thị xã Bim Sơn (Giai đoạn 2)	1.000		1.000	
7	Công trình: Xây dựng các hạng mục công trình tại đền Sòng Sơn và đền Chín Giếng (Dự án đang dở dang)	400		400	
8	Tu bổ cấp thiết Đỉnh Làng Gạo	800		800	
9	Cải tạo các công trình phụ trợ cơ quan thị ủy	300		300	
10	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND thị xã	500		500	
11	Sửa chữa nhà làm việc Thị ủy Bim Sơn	400		400	
12	Xây dựng lớp học trường Mầm non Xi Măng	200		200	
<b>III</b>	<b>Phí Bảo vệ MT sau khai thác KS</b>	<b>10.154</b>	<b>0</b>	<b>10.154</b>	
1	Đường từ tỉnh lộ 7 đến đường Gom khu CN Bim Sơn	1.700		1.700	
2	Đường giao thông Quốc lộ 1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và khu công nghiệp phía đông thị xã Bim Sơn	700		700	
3	Xây dựng cống chào tại Km288+400 Quốc lộ 1A	200		200	
4	Lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt từ D63-D90 phường Đông Sơn	200		200	
5	Cải tạo nâng cấp đường Tổng Duy Tân phường Ba Đình hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng công cộng	100		100	
6	HTKT khu dân cư 4+5 phường Bắc Sơn	1.000		1.000	
7	HTKT khu dân cư nam đường Trần Phú	600	(100)	500	
8	Cải tạo đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cầu Tam Điệp)	600		600	
9	Đường Võ Thị Sáu (Đoạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Đoàn Kết) (Hạng mục: Nền mặt đường, hệ thống điện chiếu sáng)	500	(300)	200	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Kiên, phường Lam Sơn	400		400	
11	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Đình Phùng, phường Ngọc Trạo, Phú Sơn	800		800	
12	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Diệu, phường Bắc Sơn	300	(300)	-	
13	Điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi)	400		400	
14	Cải tạo đường Ngô Quyền, phường Ba Đình	300		300	
15	Cải tạo đường Thanh Niên, xã Quang Trung	400	800	1.200	
16	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Tô Vĩnh Diện, phường Ngọc Trạo	200	(200)	-	
17	Mở rộng đường Nguyễn Đức Cảnh (Đoạn qua khu trung tâm thể thao)	400		400	
18	Nguồn vốn hỗ trợ các đơn vị và thực hiện theo cơ chế HĐND	1.354	100	1.454	
<b>V</b>	<b>Nguồn chuyên nguồn từ 2016 sang</b>		<b>5.522</b>	<b>5.522</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn mục tiêu</b>		<b>936</b>	<b>936</b>	
-	Tu bổ cấp thiết Đỉnh Làng Gạo		150	150	

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
-	Cải tạo đường Thanh Niên, xã Quảng Trung.		336	336	
-	Nạo vét kênh T9 xã Hà Lan		21	21	
-	Nạo vét kênh T3 xã Quảng Trung		74	74	
-	Nạo vét kênh bờ bao xã Quảng Trung, xã Hà Lan		34	34	
-	Nguồn vốn hỗ trợ GTNT		321	321	
<b>2</b>	<b>Nguồn đóng góp chuyên nguồn</b>		<b>500</b>	<b>500</b>	
-	HTKT khu dân cư nam đường Trần Phú		500	500	
<b>3</b>	<b>Phí BVMT sau KTKS chuyên nguồn</b>		<b>450</b>	<b>450</b>	
-	Tường kê bảo vệ trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Bim Sơn		450	450	
<b>4</b>	<b>Chi ĐTXD của các đơn vị DT 2015 chuyển nguồn sang 2016 (Tạm ứng chuyển sang 2017 thanh toán)</b>		<b>3.636</b>	<b>3.636</b>	
<b>VI</b>	<b>Kết dư Ngân sách</b>		<b>3.110</b>	<b>3.110</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn cấp quyền sử dụng đất</b>		<b>60</b>	<b>60</b>	
-	Di chuyển trạm Biên áp KDC Nam Trần Phú		60	60	
<b>2</b>	<b>Nguồn phí BVMT</b>		<b>3.050</b>	<b>3.050</b>	
-	Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn		2.260	2.260	
-	Điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi)		700	700	
-	Di chuyển trạm Biên áp KDC Nam Trần Phú		90	90	
<b>VII</b>	<b>Tặng thu Ngân sách</b>		<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	
1	Nguồn vốn hỗ trợ các đơn vị và thực hiện theo cơ chế HDND		1.000	1.000	
<b>B</b>	<b>GHI THU GHI CHI</b>	<b>28.600</b>		<b>28.600</b>	
1	Khu dân cư Bắc đường Lương Đình Của	4.000		4.000	
2	DA khu biệt thự Tây Nguyễn Đức Cảnh	4.000		4.000	
3	Khu xen cư phía bắc đường Phùng Hưng, phường Phú Sơn	5.100		5.100	
4	Khu xen cư phía Đông khu B, C phường Đông Sơn (khu Đồi Lu)	7.800		7.800	
5	Khu xen cư Đông Lê Trí Trực phường Ba Đình	3.900		3.900	
6	Khu xen cư Đồi Mơ, phường Đông Sơn	1.400		1.400	
7	Xen cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, khu phố 9, phường Bắc Sơn	2.400		2.400	